

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ GÒ CÔNG
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 127/2023/DS-ST

Ngày: 28/6/2023

V/v: “*Tranh chấp đòi lại tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GÒ CÔNG**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Bích Liên.

2. Ông Nguyễn Hùng Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Hồng Tâm, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công tham gia phiên tòa: Ông Phan Ngọc Thanh- Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Gò Công xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 47/2023/TLST-DS ngày 22 tháng 3 năm 2023 về việc “*Tranh chấp đòi lại tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 117/2023/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Ngọc T, sinh năm: 1940; Có mặt.

Địa chỉ: Ấp HT, xã BÐ, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm: 1971; Xin vắng mặt.

Địa chỉ: Ấp B, xã BX, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Trần Thị T, sinh năm: 1973; Xin vắng mặt.

Địa chỉ: Ấp HT, xã BÐ, thị xã GC, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng ông Trần Ngọc T trình bày:**

Ông T yêu cầu chị Nguyễn Thị L là con gái riêng của bà Nguyễn Thị B (Vợ của ông T đã chết) trả lại cho ông T 50.000.000 đồng là tiền bán ruộng chung của ông T và bà B. Số tiền bán ruộng chung là 200.000.000 đồng bà B thống nhất với ông T là cho chị L 50.000.000 đồng, chị T 50.000.000 đồng, còn lại 100.000.000 đồng thì bà B giữ để ông bà dưỡng già. Chị L đã kiếm chuyện đuổi ông T ra khỏi nhà và chiếm giữ số tiền nêu trên.

*** Theo bản tự khai, quá trình tố tụng bị đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:**

Bà Nguyễn Thị B là mẹ ruột của chị L bị bệnh nặng nên bán ruộng của bà ngoại cho để trị bệnh, khi mẹ chết chị em bà phải bỏ tiền ra lo đám tang, chôn cất. Chị L không có giữ tiền của bà B nên không đồng ý .

** Theo bản tự khai, quá trình tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị T trình bày:*

Chị không hề biết tiền gửi gì cả, khi mẹ chồng tôi là bà Nguyễn Thị B chết tôi phải phụ 10.000.000 đồng để lo đám tang và làm mộ. Khi mẹ chồng chị còn sống ở trên đất của bà ngoại chồng, bà B sống với ông T rất khổ, đối xử với bà B không tốt nên con của cậu đuổi đi. Khi mẹ chồng chị bán đất có cho con chị là cháu nội của bà B 50.000.000 đồng.

** Tại phiên tòa: Các đương sự giữ nguyên lời trình bày và yêu cầu như trên.*

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công phát biểu:*

Trong quá trình thụ lý và xét xử vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ Điều 91, 227, 228, 229 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án giải quyết theo hướng không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc chị L trả cho ông T số tiền 50.000.000 đồng.

Về án phí: Ông T được miễn án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa ông Trần Ngọc T và chị Nguyễn Thị L là “*Tranh chấp đòi tài sản*” quy định tại khoản 14 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Gò Công.

[2] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị L và chị Trần Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 227, khoản 2 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đối với chị L và chị T.

[3] Về nội dung: Ông Trần Ngọc T khởi kiện đòi chị Nguyễn Thị L trả lại cho ông 50.000.000 đồng tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất chung của ông với vợ ông là bà Nguyễn Thị B (Mẹ ruột chị L), yêu cầu của ông không được chị L chấp nhận, chị L cho rằng chị không có cất giữ tiền của bà B, ông T. Bà B không có tiền nên bán ruộng để chữa bệnh, khi bà B chết, anh chị em của chị phải hùn tiền để làm đám tang và lo mồ mã cho bà B. Do chị L không cất giữ tiền nên không đồng ý trả cho ông T. Tại phiên tòa, ông T khai chính bà B là người giữ tiền bán ruộng, bà B không nói với ông về việc gửi tiền cho chị L. Do chị L đuổi ông đi nên ông cho rằng

chị L là người giữ tiền, số tiền bán ruộng còn lại là 100.000.000 đồng, ông yêu cầu chị L trả lại 50.000.000 đồng là phần tiền của ông. Xét thấy ông T khởi kiện nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự, ông không chứng minh được việc chị L chiếm hữu bất hợp pháp 50.000.000 đồng của ông theo quy định tại Điều 166 Bộ luật dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T.

Đối với chị Trần Thị T, tại phiên tòa ông T xác định chị T không có liên quan gì đến số tiền 50.000.000 đồng, ông T không có yêu cầu gì liên quan đến chị T nên Hội đồng xét xử không xem xét về quyền và nghĩa vụ của chị T.

Về án phí: Ông T được miễn án phí theo quy định pháp luật.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận toàn bộ.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Ngọc T được miễn án phí theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 5; khoản 14 Điều 26; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông Trần Ngọc T về việc đòi chị Nguyễn Thị L trả cho ông số tiền 50.000.000 đồng.

2/ Về án phí: Miễn án phí cho ông Trần Ngọc T.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với các đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo được tính từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

***Nơi nhận:**

-TAND tỉnhTG
-VKSND TXGC
-CCTHADS TXGC
-Các đương sự
-Lưu: HS, AV

LÊ THỊ HẰNG

Án được tuyên cùng ngày.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Nghị án kết thúc vào hồi..... giờ..... phút, ngày..... tháng..... năm.....

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

